

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 579/2025/HS-PT
Ngày: 20 -11- 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn C, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 249/2025/TLPT-HS ngày 26/9/2025, đối với bị cáo Võ Đình L, do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 192/2025/HSST-NCTN ngày 16/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 613/2025/QĐXXPT-HS ngày 03/11/2025.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Họ và tên: **Võ Đình L**, tên gọi khác: Út L1; sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước - nay là xã L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Con ông Võ Đình H và bà Võ Thị H1; Bị cáo có vợ Vũ Thị Thanh P (đã ly hôn) và có 01 người con là Võ Đình Gia B, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, được tha tù trước thời hạn ngày 19/4/2019 (theo Quyết định số 03/2019/TTTTH-QĐ của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước) và đã thi hành xong các phần khác của bản án.

Ngày 01/4/2024, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo: Ông Lê Minh N, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Minh N và Luật sư Nguyễn Trọng Á, là Luật sư của Công ty L3, cùng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (ông N có mặt, ông Á vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Đỗ Quốc T, Hồ Vĩnh P1, Ngô Diệu H2, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 10/02/2024, bị cáo Đỗ Quốc T cùng vợ là Hồ Thị Chúc L2 và con trai là Đỗ Công T1, sinh năm 2011; ông Ngô Văn C1 cùng vợ là bà Hồ Kiều T2 và bị cáo Hồ Vĩnh P1 cùng đến khu vực Quảng trường D thuộc khu phố N, thị trấn L, huyện L uống nước tại quán giải khát của bị cáo H2 và vợ là bà Nguyễn Thị Kim M. Trong quá trình gọi nước và đồ ăn vặt thì bà T2 và bà M xảy ra mâu thuẫn cãi nhau về việc bà T2 cho rằng thái độ phục vụ của bà M không tốt nên bị cáo Trung tính tiền đi về. Khi mọi người ra xe về thì bà T2 và bà M tiếp tục cãi nhau. Lúc này, bị cáo Võ Đình L điều khiển xe mô tô chở con trai Võ Đình Gia B và cháu Lý Quỳnh Đ đi ngang qua và thấy cãi nhau nên dừng lại hỏi chuyện. Bị cáo L nói bà M vào quán và bảo bà T2 đi về. Bị cáo T nói “không về được không, giờ đi chơi tiếp”, bị cáo Long đáp lại “đi về đi, ở lại là có chuyện bây giờ”. Bị cáo P1 nói bị cáo L “anh không biết chuyện gì mà chửi người ta vậy”. Bị cáo L liền nắm cổ áo bị cáo P1 đe dọa đánh thì bị cáo T, T2 và L2 vào can ngăn. Bị cáo L hất tay L2 ra làm L2 ngã xuống nền bê tông thì bị cáo T đâm một cái vào mặt bị cáo L dẫn đến đánh nhau giữa các bị cáo L, P1 và T. Bị cáo H2 chạy đến kéo bị cáo T ra nhưng bị ngã xuống nền bê tông. Sau đó, bị cáo H2 đứng dậy dùng tay, chân đánh bị cáo T thì bị cáo T chạy đến xe ô tô biển số 69A-088.39 mở cửa tìm hung khí nhưng không tìm được; còn bị cáo P1 và bị cáo L đang đánh nhau, vật nhau xuống nền bê tông. Do không tìm được hung khí nên T tiếp tục chạy đến tham gia đánh nhau với nhóm bị cáo P1 và L. Trong lúc các bị cáo T, P1, L đang rượt đuổi đánh nhau thì bị cáo H2 cầm 02 chân bàn bằng sắt trên tay chạy từ quán của mình đuổi đánh bị cáo T. Chạy được một đoạn thì bị cáo H2 có vút 01 chân bàn xuống nền bê tông, bị cáo L chạy đến nhặt chân bàn lên. Cùng lúc này, cháu T1 chạy đến phía bên phải của L thì bị cáo L cầm chân bàn này đánh 01 cái theo hướng từ trái qua phải trúng vào đầu cháu T1 làm cháu T1 ngã xuống nền bê tông và bất tỉnh. Thấy vậy, bà L2 la lớn “Con bị người ta đánh xui rồi, con chết rồi”. Nghe vậy, bị cáo T liền chạy đến đuổi đánh bị cáo L thì bị cáo L bỏ chạy. Sau đó, bị cáo L nói bị cáo T dừng lại để xem tình trạng của cháu T1 nên bị cáo T và bị cáo L không tiếp tục đánh nhau. Cháu T1 được đưa đi cấp cứu, đến ngày 19/02/2024 thì xuất viện.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 64/KLTTCT-TTPY ngày 11/3/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh C, kết luận:

- Các kết quả chính: 01 vết sẹo phẫu thuật vùng trán – thái dương trái, kích thước 17x0,2 cm, tỷ lệ 02%; Nứt sọ trán – thái dương trái đã phẫu thuật mở hộp sọ lấy máu tụ và đặt lại hộp sọ, tỷ lệ 16%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; Tụ máu ngoài màng cứng trái – thái dương trái đã phẫu thuật lấy máu tụ, hiện tại không còn hình ảnh tụ máu trên phim CT Scanner sọ não, tỷ lệ 05% do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; Tụ máu dưới màng cứng trái - thái dương trái đã phẫu thuật lấy máu tụ, hiện tại không còn hình ảnh tụ máu trên phim CT Scanner sọ não, tỷ lệ 08%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; Xuất huyết não và dập não bán cầu trái, hiện tại không còn hình ảnh xuất huyết não trên phim CT Scanner sọ não, tỷ lệ 05%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra.

- Kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Công T1 là 32%.

Tại Kết luận giám định thương tích số 246/KLITCT-TTPY của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận:

- Kết quả khám giám định: Chấn thương gãy xương chính mũi; Thóp mũi lệch trái, lõm - biến dạng đã điều trị nội khoa hiện tại không ảnh hưởng chức năng.

- Kết luận: Tổn thương có đặc điểm tổn thương do vật tày cứng tác động trực tiếp gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Võ Đình L tại thời điểm giám định là 09%.

Tại Kết luận giám định số 1582/KL-KTHS ngày 11/4/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh: Không phát hiện dấu vết máu, tế bào người trên 02 khung kim loại (dạng chân bàn xếp).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: 01 khung kim loại (dạng chân bàn xếp) kích thước (69x46) cm bị biến dạng, được hàn bắt cố định bằng các tuýp sắt rồng hình hộp vuông có kích thước (2x2) cm và (1,2x1,2) cm tại vị trí số 1; 01 khung kim loại (dạng chân bàn xếp) kích thước (69x46) cm bị biến dạng, được hàn bắt cố định bằng các tuýp sắt rồng hình hộp vuông có kích thước (2x2) cm và (1,2x1,2) cm tại vị trí số 2.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 220.000.000 đồng. Ngày 25/3/2024, đại diện của bị hại T1 có đơn không yêu cầu gì khác và tự bãi nại đối với bị cáo L.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSBP-P2 ngày 08/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai) truy tố bị cáo Võ Đình L về tội “Giết người” quy định tại các điểm b, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Ngô Diệu H2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Đỗ Quốc T và bị cáo Hồ Vĩnh P1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 192/2025/HSST-NCTN ngày 16/8/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Đình L phạm tội “Giết người”.

[2] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 15, 38, 50, 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Võ Đình L 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 01/4/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Quốc T, Hồ Vĩnh P1, Ngô Diệu H2; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/8/2025, bị cáo Võ Đình L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/8/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2319/QĐ-VKS-P2, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo L theo quy định tại các điểm b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo L.

Diễn biến tại phiên toà phúc thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình giống như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo L làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo L và kháng nghị:

Giữa bị cáo L và nhóm các bị cáo T, P1 và cháu T1 không có mâu thuẫn, nhưng khi giữa những người này cãi nhau với chủ quán nước và việc cãi nhau này không liên quan đến L, thì L có hành vi túm cổ áo của bị cáo T; dùng chân ghé bằng sắt đánh vào vùng đầu của cháu T1 (dưới 16 tuổi), gây thương tích 32%. Như vậy, hành vi giết người của bị cáo L thuộc các điểm b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo L về tội “Giết người” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tuyên phạt bị cáo L 07 năm tù là không đúng và quá nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L phát biểu: Do ông P1 cho rằng bị cáo L bảo kê cho quán nước nên bị cáo L mới nắm cổ áo của bị cáo P1. Lúc đó, bị cáo T (chồng chị L2) là người tấn công bị cáo trước; tiếp đó bị cáo H2 dùng chân ghé bằng sắt tấn công bị cáo L. Trong lúc đánh nhau, cháu T1 dùng chai nước

ném về phía bị cáo, cộng với việc bị tấn công, bị cáo không phân biệt được ai nên đã dùng chân ghé quơ, không ngờ trúng vào vùng đầu của cháu T1, điều này thể hiện rõ tại phiên toà sơ thẩm và nhất là trong tâm thư chị L2 và cháu T1 gửi cho Toà án cấp phúc thẩm. Việc bị cáo L đã từng bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” thì bị cáo đã chấp hành xong. Do đó, hành vi của bị cáo L không có tính chất côn đồ. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng, thì hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo L phát biểu tranh luận: Bị cáo L không tham gia tranh luận.

Kiểm sát viên đối đáp: Cần xem xét một chuỗi hành vi của bị cáo chứ không phải cắt từng hành vi để kết luận có tính chất côn đồ hay không. Ngay từ đầu bị cáo đã có hành vi côn đồ là túm cổ áo của bị cáo P1. Kết luận giám định thể hiện thương tích của cháu T1 32% nên không thể nói bị cáo L dùng chân ghé quơ được.

Luật sư đối đáp: Việc bị cáo L kêu mọi người ra về là thể hiện thiện chí của bị cáo, muốn mọi người hoà giải với nhau, nên hành vi của bị cáo không có tính chất côn đồ.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo L rất ăn năn hối cải, bị cáo còn mẹ già, con nhỏ, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Đình L làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo L tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các ông bà Đỗ Quốc T, Hồ Vĩnh P1, Ngô Diệu H2, Hồ Thị Kiều T2, Hồ Thị Chúc L2, Nguyễn Thị Kim M; phù hợp với Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 64/KLTTCT-TTPY ngày 11/3/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh C; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 10/02/2024 tại quán nước của bà M, ông H2, bị cáo L đã thực hiện hành vi dùng 01 chân ghé bằng sắt đánh vào vùng đầu của cháu T1 (dưới 16 tuổi) gây thương tích tổng cộng 32%.

Giữa bị cáo L và các ông bà T2, P1, L2 và đặc biệt là cháu T1 không hề có mâu thuẫn với nhau, nhưng khi thấy giữa bà L2 và bà M cãi nhau, bị cáo đã túm cổ áo của ông P1. Khi bà L2 vào can ngăn thì bị cáo xô ngã; trong quá trình đánh

nhau, bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm là chân ghế bằng sắt đánh vào vùng đầu của người bị hại. Bản thân bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”, mặc dù đã được xóa án tích nhưng điều này thể hiện bị cáo rất hung hăng, sẵn sàng giải quyết các mâu thuẫn bằng vũ lực. Do đó, bản án sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo L về tội “*Giết người*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Giết người dưới 16 tuổi*” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, bỏ qua tình tiết định khung tăng nặng “*Có tính chất côn đồ*” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là không đúng.

Căn cứ vào diễn biến vụ án và thương tích của cháu T1 thì lập luận của Luật sư cho rằng bị cáo chỉ dùng chân ghế bằng sắt quơ vô tình trúng cháu T1 là không có căn cứ để chấp nhận. Đồng thời, Luật sư cho rằng do bị cáo T tấn công bị cáo trước, nên hành vi của bị cáo không có tính chất côn đồ là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi mặc dù bị cáo T tấn công trước, nhưng giữa cháu T1 và bị cáo không hề có mâu thuẫn và bản thân cháu T1 không có bất kỳ hành vi nào tấn công bị cáo nhưng bị cáo đã dùng chân ghế bằng sắt tấn công cháu T1.

[2.2] Về hình phạt:

Bị cáo L bị truy tố về tội “Giết người” với 02 tình tiết định khung tăng nặng tại điểm b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên phạt bị cáo 07 năm tù là không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, chưa phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, nhận thấy tại cấp phúc thẩm, bà L2 là người đại diện hợp pháp của cháu T1 và bản thân cháu T1 đã có tâm thư tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo còn mẹ già và con nhỏ nên cần cân nhắc khi lượng hình.

[3] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên đây.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo L phải nộp 200.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Đình L.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2319/QĐ-VKS-P2 ngày 29/8/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 192/2025/HSST-NCTN ngày 16/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Đình L phạm tội “Giết người”.

[2] Áp dụng các điểm b, n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 15, 38, 50, 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Võ Đình L 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/4/2024.

[3] Tạm giam bị cáo Võ Đình L với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Đình L phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai
- Trại tạm giam số 02 - Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, HCTP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa